

Bản án số: **11/2020/DS-ST.**

Ngày: 02/7/2020.

*“V/v: **Kiến tranh**  
**chấp hợp đồng vay tài sản**”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Lành;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Cảnh.

2. Bà Vy Thị Ty.

*-Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Đình Mão -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 02/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2020/TLST-DS ngày 06/5/2020, về việc: *“**Kiến tranh chấp hợp đồng vay tài sản**”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐST-DS ngày 02/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-DS ngày 15/6/2020. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: + Anh Ngô Văn T, sinh năm 1990;

+ Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai.

*Chị T có mặt, anh T và chị N lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nhau từ trước, nên vào ngày 16/12/2018, vợ chồng anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy N, địa chỉ tại thôn 5, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai có hỏi mượn chị số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) để lo công việc gia đình, nên chị đã đồng ý cho mượn, sau khi anh T, chị N cầm được tiền thì anh, chị T - N lo vào công việc gì thì chị không được biết chi tiết, số tiền trên chị đưa một lần, sau khi nhận tiền thì chị N viết giấy, anh T và chị N cùng ký giấy nhận nợ và giao lại cho chị giữ, nay chị đã giao nộp cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện. Giấy mượn tiền có nội dung anh T, chị N mượn số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) và có cam kết trả góp trong vòng 3 tháng.

Quá thời hạn cam kết trả nợ nhưng vợ chồng anh T và chị N không trả góp và cũng không trả 1 lần cho chị như đã thỏa thuận, nên chị khởi kiện yêu cầu anh T

và chị N phải trả cho chị toàn bộ số tiền nợ gốc mà chị đã cho anh, chị T - N mượn là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), vào 1 lần.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh T và chị N phải trả ngay cho chị số tiền 12.000.000 đồng, vào một lần.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu: Kể từ ngày chị có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi người phải thi hành án (anh T và chị N) thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**Theo bị đơn anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy N cùng trình bày:**

Anh chị thừa nhận Giấy nhận nợ mà nguyên đơn chị Nguyễn Thị T cung cấp cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện có nội dung vợ chồng anh, chị nợ chị T số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), giấy nhận nợ đúng chữ viết của chị N và chữ ký của cả chị N và anh T, nhưng về bản chất của việc vay nợ thì anh chị không nợ tiền mặt của chị T mà số tiền này do chị T bán Bảo hiểm cho vợ chồng anh, chị. Chị T có hứa dùng thử, nếu không tiếp tục tham gia thì báo lại, chị sẽ hủy Hợp đồng Bảo hiểm cho, do tin tưởng vào lời của chị T nên vợ chồng anh, chị mới tham gia và mới ghi nợ. Ngay sau khi ghi nợ chị T thì anh chị xét thấy không muốn tham gia Bảo hiểm nên đã báo với chị T để chị T hủy Giấy ghi nhận nợ, nhưng chị T đã không thực hiện như đã hứa và khởi kiện ra Tòa, hiện nay Bảo hiểm trên anh chị không theo nộp nữa.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải thì vợ chồng anh T, chị N cùng thống nhất quan điểm đối với số tiền chị T khởi kiện là: Vợ chồng anh, chị không trả cho chị T vì không trực tiếp mượn tiền, khi chị T cho dùng thử hợp đồng bảo hiểm, vì không có nhu cầu nên chị N đã trực tiếp lên nhà chị T yêu cầu hủy hợp đồng bảo hiểm nhưng chị T không hủy thì lỗi tại chị T.

Do anh T và chị N đều vắng mặt tại phiên tòa, nên không trình bày và cung cấp thêm chứng cứ và quan điểm của anh, chị được.

**Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:**

-01 Giấy nhận nợ ghi nội dung: “Sơ Pai ngày 16/12/2018 Tôi tên là Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1990 cùng chồng là Ngô Văn T, cư trú tại thôn 5, xã S, huyện K, Gia Lai có mượn của cô Nguyễn Thị T + (C Ch) cư trú tại thôn 2, xã S, huyện K, Gia Lai số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), trả góp cho cô trong vòng 3 tháng gia đình tôi cam kết trả hết số tiền trên cho cô. Sơ Pai ngày 16/12/2018, có chữ ký N - Nguyễn Thị Thúy N; T - Ngô Văn T” ( bản chính);

-01CMND mang tên Nguyễn Thị T (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Thị T (đều là bản sao).

**Các tài liệu, chứng cứ được bị đơn giao nộp, gồm:** Không có.

**Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976, có địa chỉ tại Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai, điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị T giao nộp là bản sao Sổ hộ khẩu gia đình và Chứng minh nhân dân của chị T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng dân sự:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là vợ chồng anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy N phải trả cho chị T số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), chị T là chủ thể có quyền lợi bị xâm phạm nên được quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### [2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 01 Giấy kê ngang được viết tay, đầu đề ghi: “*Sơ Pai ngày 16/12/2018, Tôi tên là Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1990 cùng chồng là Ngô Văn T, cư trú tại thôn 5, xã S, huyện K, Gia Lai có mượn của cô Nguyễn Thị T + (C Ch) cư trú tại thôn 2, xã S, huyện K, Gia Lai số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), trả góp cho cô trong vòng 3 tháng gia đình tôi cam kết trả hết số tiền trên cho cô. Sơ Pai ngày 16/12/2018, có chữ ký N - Nguyễn Thị Thúy N; T - Ngô Văn T*”

Chứng cứ chị T cung cấp là bản chính của Giấy nhận nợ, được anh T và chị N cùng thừa nhận là chữ viết của chị N, chữ ký của anh T và chị N. Điều này thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã được nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh T và chị N đều không nhất trí trả nợ cho chị T, vì do anh, chị không trực tiếp nhận tiền từ tay chị T mà thông qua việc đóng nộp tiền Bảo hiểm nhân thọ nhưng anh, chị đều không cung cấp được chứng cứ liên quan đến việc đóng nộp Bảo hiểm như đã trình bày, do vậy không có đủ cơ sở để chứng minh cho việc không chấp nhận trả nợ của anh T, chị N.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận, buộc bị đơn anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy N phải trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

[3]. **Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn chị T được chấp nhận toàn bộ nên chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là  $12.000.000 \times 5\% = 6.000.000$  đồng.

**Vì các lẽ trên:**

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ vào các Điều 91, 93, 94, 95, 108, 144, 147, 227, 228 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;**

**Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;**

***Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;***

***Xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, buộc bị đơn anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy N phải trả cho chị T số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi anh T và chị N thi hành xong khoản tiền nợ nói trên thì hàng tháng anh T và chị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy N phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 600.000 đồng.

Hoàn trả cho Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003356 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử chị T có quyền làm đơn kháng cáo đề yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm, thời hạn trên đối với anh T và chị N được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Lành**

## **CÁC HỘI THẨM**

## **THẨM PHÁN-CTPT**

**Võ Thị Cảnh**

**Vi Thị Ty**

**Đỗ Thị Lành**

